

Số: /BC-SNN

Bình Phước, ngày tháng năm 2021

(dự thảo)

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
Hỗ trợ mô hình sản xuất nông nghiệp sạch trên địa bàn tỉnh Bình Phước khi
ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

I. Xác định vấn đề bất cập tổng quan

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

- Bình Phước là một tỉnh nằm trong vùng trọng điểm kinh tế phía Nam thuộc miền Đông Nam Bộ, có 260 km đường biên giới giáp với vương quốc Campuchia, có 01 cửa khẩu quốc tế Hoa Lư, 02 cửa khẩu chính là Hoàng Diệu và Lộc Thịnh, 01 cửa khẩu phụ Tân Tiến và 01 lối mở Lộc Tấn; là cửa ngõ, cầu nối giữa vùng Đông Nam Bộ với các tỉnh Tây Nguyên.

- Xu thế tiêu dùng hiện nay và định hướng phát triển sản xuất nông nghiệp của tỉnh¹ từ nay đến 2025 với 3 trọng tâm: Tạo vùng nguyên liệu; chế biến; hình thành liên kết chuỗi. 03 ngành trọng điểm: Chăn nuôi; trồng trọt; lâm nghiệp. 3 sản phẩm xuất khẩu chủ yếu: Chăn nuôi (heo, gà); hạt điều, sản phẩm từ gỗ. Trong đó, phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sạch, an toàn, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, số hóa, nông nghiệp tuần hoàn và thương mại điện tử. Đòi hỏi chúng ta phải thay đổi lại nhận thức từ sản xuất nông nghiệp chạy theo số lượng sang phát triển kinh tế nông nghiệp, sản xuất cái thị trường cần, gắn sản xuất với sơ chế, chế biến, tiêu thụ sản phẩm và xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc.

- Nông nghiệp nước ta nói chung và nông sản của tỉnh đã tham gia và hội nhập sâu của với thế giới² thì sản xuất nông nghiệp³ của tỉnh có tiềm năng, lợi thế rất lớn phát triển sản xuất phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Tuy nhiên, thời gian qua sản xuất nông nghiệp của tỉnh chưa phát triển tương xứng với tiềm năng, lợi thế, bên cạnh đó, dịch, bệnh Covid-19 ở trong nước và quốc tế diễn biến phức tạp các nông sản chính của tỉnh, tuy vẫn có bước phát triển tốt do các doanh nghiệp của chúng ta đã chủ động xây dựng được vùng nguyên liệu, hàng hóa nhưng chưa bền vững ở một số nơi, số chỗ vẫn bị đứt gãy ở các khâu nhất là tại khâu sản xuất của nông dân vì nông dân vẫn chủ yếu sản xuất nhỏ, lẻ, manh mún; sản xuất theo truyền thống, sản xuất cái mình có, không bám sát với thị trường, sản xuất lạm dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hóa

¹ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 22/10/2020 của đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020-2025

² Việt Nam đã tham gia ký kết 13 Hiệp định thương mại tự do (FTA) gồm: 7 FTA ký kết với tư cách là thành viên ASEAN và 6 FTA ký kết với tư cách là một bên độc lập và hiện đang đàm phán 3 FTA gồm Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP), FTA với Khối thương mại tự do châu Âu (EFTA), FTA Việt Nam-Israel

³ Bao gồm: Cao su, điều, hồ tiêu, cây ăn trái và heo, gà....

học...việc ứng dụng công nghệ mới, cuộc cách mạng 4.0, thương mại điện tử rất hạn chế nên nông sản khó tiêu thụ tại các kênh như nhà hàng, siêu thị, kênh thương mại điện tử và xuất khẩu qua các thị trường lớn; chưa quan tâm đến xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý...

- Trong giai đoạn 2016-2020 thực tế việc hỗ trợ mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, trang trại các hợp tác xã rất ít, thiếu đồng bộ, không trọng tâm, trọng điểm mạnh mún, không có tiêu chuẩn, không bao bì, nhãn mác, không có thương hiệu, truy xuất nguồn gốc, ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa, minh bạch thị trường rất hạn chế và rất thiếu nguồn lực, vật lực trong khâu sơ chế, chế biến và thương mại điện tử, mua bán online.

- Với diễn biến dịch, bệnh Covid-19 ngày càng phức tạp, khó lường chúng ta phải đẩy nhanh, mạnh hơn nữa việc tổ chức lại tổ chức sản xuất, sản xuất phải theo tiêu chuẩn, sản xuất cái thị trường cần và sản xuất phải gắn với thị trường tiêu thụ, ứng dụng công nghệ thông tin, thương mại điện tử, có thương hiệu, nhãn hiệu, tiêu chuẩn chất lượng và nông dân phải biết được thị trường cần sản phẩm nào, số lượng, tiêu chuẩn, mẫu mã ra sao để điều chỉnh mùa vụ, quy trình canh tác và phải ứng dụng được công nghệ thông tin, thanh toán điện tử, bán hàng qua mạng, kênh thương mại điện tử...

- Theo thông kê đến nay trên địa bàn tỉnh có 174 hợp tác xã nông nghiệp và 487 trang trại đăng ký hoạt động đã góp phần rất lớn thay đổi bộ mặt nông thôn của tỉnh, tuy nhiên các trang trại hợp tác xã đều có quy mô nhỏ, liên kết với nhau còn thiếu bền vững, sản xuất vẫn chủ yếu là tự phát chưa tập trung vào sản xuất nông sản sạch, an toàn, bền vững.

- Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 22 tháng 10 năm 2020 của đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020-2025; Chương trình hành động số 17-CTR/TU ngày 30/9/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nhiệm kỳ 2021-2016 và Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020-2025).

Từ những lý do trên, Hội đồng nhân dân tỉnh cần thiết phải ban hành một Nghị quyết về chính sách “Hỗ trợ mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, trang trại hội quán, hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước”.

1. Đối tượng tác động của chính sách

- Các trang trại hoạt động theo tiêu chí của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
- Các Hội quán được UBND cấp xã thành lập theo quy định.
- Các hợp tác xã, các thành viên hợp tác xã nông nghiệp hoạt động theo Luật hợp tác xã năm 2012.
- Các doanh nghiệp có liên kết sản xuất tiêu thụ nông sản.
- Các cơ quan, địa phương, đơn vị quản lý nhà nước và các tổ chức, tổ chức chính trị-xã hội hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Mục tiêu của chính sách

a. Mục tiêu chung

- Xây dựng vùng nguyên liệu sạch, an toàn phục vụ mục tiêu tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và thúc đẩy chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.

- Sản xuất phải có quy hoạch, kế hoạch, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng, phải đủ lớn, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, thương mại, thương mại điện tử, công nghệ 4.0 vào trong sản xuất, kinh doanh.

- Đầu tư, hỗ trợ phải có trọng tâm, trọng điểm thống nhất, công khai, minh bạch và tập trung hỗ trợ thông qua các trang trại, hội quán, hợp tác xã nông nghiệp sản xuất nông nghiệp sạch.

b. Mục tiêu cụ thể của chính sách đến năm 2025

- Đào tạo, tập huấn, hướng dẫn cho khoảng 100 lớp với 3.000 lượt người tham gia cho các đối tượng là trang trại, hội quán, hợp tác xã nông nghiệp sản xuất nông nghiệp sạch của tỉnh.

- Điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí cho các diện tích canh tác sản xuất nông nghiệp sạch với khoảng 10.000 ha điều; 5.200 ha hồ tiêu; 5.000 ha cây ăn trái; 400 ha rau màu được xác định có phù hợp với thổ nhưỡng, khí hậu, mẫu đất, nước, không khí...

- Có thêm khoảng 20.600 ha lĩnh vực trồng trọt và 10 hợp tác xã, trang trại, hội quán chăn nuôi dê, bò được Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam, hoặc tương đương mà pháp luật Việt Nam ký, công nhận do Tổ chức chứng nhận cấp, mã vùng trồng, mã cơ sở vùng trồng.

- Xây dựng khoảng 100 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp.

- Hỗ trợ tem truy xuất nguồn gốc, bao bì, nhãn mác sản phẩm 01 lần trong một chu kỳ sản xuất cho 100 trang trại, hội quán, hợp tác xã nông nghiệp tham gia sản xuất nông nghiệp sạch.

- Hỗ trợ khoảng 50 trang trại, hội quán, hợp tác xã nông nghiệp tham gia xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, đưa sản phẩm lên các sàn giao dịch điện tử.

- Hỗ trợ cho 100 trang trại, hội quán, hợp tác xã nông nghiệp xây dựng mô hình đầu tư giống, thiết bị, vật tư thiết yếu phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- Góp phần hoàn thành chỉ tiêu đến năm 2025: thành lập mới khoảng 100 hợp tác xã nông nghiệp; 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới và tốc độ phát triển nông nghiệp đáp ứng yêu cầu nghị quyết đảng bộ tỉnh giai đoạn 2021-2025.

II. Đánh giá tác động của chính sách

1. Tác động tổng thể về tất cả các chính sách

a) Tác động về kinh tế.

- Việc ban hành Nghị quyết mới của tỉnh về “Hỗ trợ mô hình sản xuất nông nghiệp sạch trên địa bàn tỉnh Bình Phước” để thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 22 tháng 10 năm 2020 của đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020-2025 quy định nội dung, mức hỗ trợ, từ đó làm phát sinh thêm nguồn kinh phí hỗ trợ, gánh nặng cho ngân sách của tỉnh. Tuy nhiên, điều đó sẽ mang lại những tác động tích cực đến sự phát triển trong lĩnh vực phát triển kinh tế nông nghiệp như nâng cao hiệu quả, chất lượng nông sản, giảm chi phí sản xuất cũng như quản lý tốt vùng nguyên liệu sản xuất, định hướng được thị trường tiêu thụ, sản xuất ra các sản phẩm sạch, an toàn có thương hiệu, nhãn hiệu, bao bì nhãn mác đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng và sản xuất theo chuỗi giá trị khắc phục tình trạng chạy theo phong trào, manh mún, thiếu quy hoạch, kế hoạch sản xuất...từ đó nâng cao thu nhập cho trang trại, hội quán và các hợp tác xã nông nghiệp. Mặt khác, các doanh nghiệp cũng sẽ xây dựng được những vùng nguyên liệu ổn định, đảm bảo chất lượng và nâng cao hiệu quả sản xuất, tiến đến kinh doanh bền vững, hiệu quả nộp thuế cho nhà nước. Nhìn chung, giá trị kinh tế tổng thể mà chính sách mang lại sẽ lớn hơn rất nhiều so với nguồn kinh phí nhà nước hỗ trợ.

- Giúp nông dân, người tiêu dùng thay đổi tư duy sản xuất, phương thức canh tác, năng lực sản xuất, hoạt động của các trang trại, hội quán, các hợp tác xã nông nghiệp nâng cao chất lượng nông sản chất lượng cao phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

b) Tác động về xã hội

-Việc hỗ trợ chính sách sẽ mở ra hướng phát triển một nền nông nghiệp sản xuất theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu từ đó nâng cao thu nhập, nâng cao đời sống cho nông dân, góp phần ổn định xã hội ở khu vực nông thôn, tiến tới thu hút nguồn lao động từ các thành phố quay trở về quê hương để sản xuất, giảm áp lực về dân số cũng như việc làm cho khu vực thành thị nhất là xây dựng nông thôn mới.

- Trước tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp hiện nay và bài học trong việc thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ tại 18 tỉnh phía Nam vừa qua thì việc phải tăng cường liên kết sản xuất theo chuỗi, nông sản phải có thương hiệu, truy xuất nguồn gốc, bao bì nhãn mác là rất cấp thiết tạo tác động rất tích cực về mặt nhận thức của người dân, người tiêu dùng và nông dân phải thay đổi tư duy sản xuất sang sản xuất cái thị trường cần, có thương hiệu, nhãn hiệu, bao bì nhãn mác....

c) Tác động về thủ tục hành chính

- Việc thực hiện, áp dụng chính sách này không tăng thêm thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

d) Tác động đối với hệ thống pháp luật

Trong bối cảnh chúng ta đang thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững thì việc ban hành chính sách này là phù hợp, có ý nghĩa lớn đối với cả nông dân, trang trại,

hội quán, các hợp tác xã cũng như các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, điều đó sẽ làm tăng tính khả thi của chính sách cũng như sự tuân thủ của các đối tượng chịu tác động trực tiếp. Mặt khác, việc ban hành chính sách này cũng hoàn toàn phù hợp với những chủ trương chính sách của đảng, quy định của Trung ương hiện hành.

2. Tác động riêng rẽ của từng chính sách

2.1. Chính sách 1. Bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo cho các trang trại, hội quán, hợp tác xã nông nghiệp sản xuất nông nghiệp sạch.

Nhà nước hỗ trợ tới đa 100% chi phí tài liệu, tiền ăn, đi lại, nơi ở trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập cho các đối tượng sản xuất nông nghiệp sạch.

a) Xác định vấn đề bất cập

Trung ương có rất nhiều văn bản có liên quan đến nội dung này như Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông; Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ; Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030... nhưng tỉnh chưa ban hành chính sách riêng, cụ thể hóa.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Mục tiêu của chính sách này nhằm thống nhất các nội dung hỗ trợ trên địa bàn tỉnh nhằm tạo ra quy định, áp dụng chung trong đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập cho các đối tượng sản xuất nông nghiệp sạch.

- Tổ chức 100 lớp với khoảng 3.000 người

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Để cho Sở ngành, địa phương căn cứ nội dung, nhiệm vụ, chương trình, kinh phí được giao áp dụng định mức, hình thức khác nhau của trung ương hỗ trợ như giai đoạn 2016-2020.

- Giải pháp 2: Thống nhất ngân sách nhà nước cấp trên địa bàn tỉnh hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu, tiền ăn, đi lại, nơi ở trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Giải pháp 1: Mạnh mún, dàn trải, không hiệu quả và nhiều khi trùng lặp các đối tượng, không hiệu quả và hình thức.

- Giải pháp 2: Sẽ làm tăng kinh phí hỗ trợ trong ngắn hạn nhưng sẽ có tác động tích cực đến sản xuất nông nghiệp, thống nhất áp dụng trên địa bàn, các Sở ngành, địa phương cùng phối hợp thực hiện, nâng cao nhận thức của người dân, các chủ thể tham gia sản xuất nông nghiệp sạch là yếu tố quan trọng giúp tăng hiệu quả, chất lượng nông sản trên địa bàn tỉnh.

e) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Lựa chọn giải pháp 2. Quy định mức hỗ trợ tối đa cho mỗi lần hỗ trợ mô

hình, địa bàn, đối tượng và nguồn kinh phí hỗ trợ và cấp xã phải có trách nhiệm về các đối tượng thụ hưởng.

2.2. Chính sách 2. Xác định các vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất nông nghiệp sạch.

Nhà nước hỗ trợ tối đa một lần bằng 100% kinh phí để điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí cho các diện tích canh tác; mã vùng trồng, mã cơ sở, cơ sở đóng gói...cho sản xuất nông nghiệp sạch, kinh phí do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

a) Xác định vấn đề bất cập

Giai đoạn vừa qua người dân sản xuất chủ yếu là tự phát, theo kinh nghiệm, phong trào việc điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí cho các diện tích canh tác; mã vùng trồng, mã cơ sở, cơ sở đóng gói thiếu quan tâm; bên cạnh đó kinh phí nhà nước hỗ trợ nội dung này ít được các cấp, ngành quan tâm, bố trí vốn dẫn đến nông dân sản xuất manh mún, không theo quy hoạch, thậm trí một số nông hộ tự phát trồng các loại cây trồng không phù hợp với thổ nhưỡng, khí hậu, chất đất...nên xảy ra tình trạng tình phải giải cứu, hỗ trợ như: sản xuất Hồ tiêu trong thời gian vừa qua.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Chính sách này nhằm hỗ trợ các trang trại, hội quán, các hợp tác xã điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí, xác định loại cây trồng phù hợp, mã vùng trồng, mã cơ sở, cơ sở đóng gói phục vụ sản xuất tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Có khoảng 10.000 ha điều; 5.200 ha hồ tiêu; 5.000 ha cây ăn trái; 400 ha rau màu được hỗ trợ.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Giải pháp 1: Để cho Sở, ngành, địa phương và các trang trại, hội quán, hợp tác xã, doanh nghiệp căn cứ kinh phí được giao, yêu cầu của thị trường tự phát thực hiện như giai đoạn 2016-2020.

Giải pháp 2: Áp dụng quy định chung của toàn tỉnh, chỉ tập trung hỗ trợ cho các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch thông qua trang trại, hội quán, các hợp tác xã nông nghiệp theo quy hoạch, định hướng phát triển của tỉnh.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

Giải pháp 1: Đối với giải pháp này sẽ có lợi ích là giảm áp lực đối với ngân sách, các đơn vị có kinh phí, thị trường tự làm nhưng chúng ta chấp nhận manh mún, nhỏ lẻ vẫn có nông dân canh tác không đúng loại cây trồng trên diện tích của mình và đôi lúc chúng ta vẫn phải giải quyết các hậu quả như thời gian vừa qua.

Giải pháp 2: Sẽ làm tăng kinh phí hỗ trợ, mở rộng đối tượng và nội dung hỗ trợ nhưng giải quyết rất tốt công tác xây dựng vùng nguyên liệu, xác định được rõ những loại cây trồng phù hợp với địa hình, thổ nhưỡng, mã vùng trồng, mã cơ sở, cơ sở đóng gói, thị trường, quy hoạch vùng sản xuất của tỉnh thông qua việc số hóa vùng nguyên liệu, khu vực sản xuất nông nghiệp.

e) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Giải pháp 2: Quy định cụ thể mức, nội dung hỗ trợ.

3. Chính sách 3. Cấp giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam, hoặc tương đương mà pháp luật Việt Nam ký, công nhận.

Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí một lần (cấp lần đầu hoặc cấp lại) giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam, hoặc tương đương như: Vietgap, Globalgap, hữu cơ, thương mại công bằng, nông nghiệp sinh thái, sản xuất an toàn, nông nghiệp công nghệ cao... cho các trang trại, hội quán, hỗ trợ cho các hợp tác xã nông nghiệp, kinh phí do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

a) Xác định vấn đề bất cập

Hiện nay Trung ương có 02 văn bản có liên quan đến nội dung này đó là Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản và Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ. Tuy nhiên, tỉnh không ban hành các chính sách riêng nên nếu không có chính sách riêng cho nội dung này thì việc thực hiện sẽ gặp rất nhiều khó khăn, các địa phương thiếu có căn cứ pháp lý để triển khai hỗ trợ.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Thống nhất nội dung hỗ trợ trên địa bàn tỉnh tránh tình trạng manh mún, tự phát, nhỏ lẻ và trùng lặp giữa các đơn vị hỗ trợ.

- Khuyến khích người dân, trang trại, hội quán, các hợp tác xã sản xuất nông sản có chứng nhận, có tiêu chuẩn, chất lượng và xây dựng thương hiệu.

Hỗ trợ thêm khoảng 20.600 ha lĩnh vực trồng trọt và 10 hợp tác xã, trang trại, hội quán được Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam, hoặc tương đương mà pháp luật Việt Nam ký, công nhận do Tổ chức chứng nhận cấp, mã vùng trồng, mã cơ sở vùng trồng.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Giải pháp 1: Tùy theo các chương trình, dự án của các địa phương, ngành hỗ trợ theo hướng manh mún, thiếu tập trung, trọng điểm.

Giải pháp 2. Đầu tư trọng tâm, trọng điểm theo quy hoạch, kế hoạch của tỉnh, huyện và tập trung đối tượng có quy mô lớn, gắn sản xuất với thị trường, có sức lan tỏa.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

- Giải pháp 1: Manh mún, dàn trải, không hiệu quả và nhiều khi trùng lặp các đối tượng, hình thức.

- Giải pháp 2: Tác động tích cực, nâng cao nhận thức của người dân, các chủ thể tham gia sản xuất nông nghiệp sạch, an toàn và giúp nông sản của tỉnh cạnh tranh tốt hơn trên thị trường trong và ngoài nước, tăng hiệu quả, chất lượng, giá trị nông sản của tỉnh.

e) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Lựa chọn giải pháp 2

4. Chính sách 4. Xây dựng khoảng 100 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp.

a) Xác định vấn đề bất cập

- Hiện có trên 90 % các trang trại, hội quán, các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua chưa áp dụng mô hình về quản lý, quy trình sản xuất, thiết kế, sử dụng mã vùng trồng, tiêu chuẩn chất lượng; thiết kế bao bì, nhãn mác, quy trình đăng ký mã vùng trồng, mã vạch, mua, bán vật tư nông nghiệp, thương mại, thương mại điện tử, đàm phán, thị trường, ứng dụng công nghệ thông tin.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Hỗ trợ khoảng 100 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp.

- Đến năm 2025 có khoảng 50% các trang trại, hội quán, các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh áp dụng mô hình về quản lý, quy trình sản xuất, thiết kế, sử dụng mã vùng trồng, tiêu chuẩn chất lượng; thiết kế bao bì, nhãn mác, quy trình đăng ký mã vùng trồng, mã vạch, mua, bán vật tư nông nghiệp, thương mại, thương mại điện tử, đàm phán, thị trường, ứng dụng công nghệ thông tin.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Đề các trang trại, hội quán, các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh căn cứ nhu cầu thị trường tự xây dựng các mô hình của mình cho phù hợp với thực tế.

- Giải pháp 2. Nhà nước đồng hành và hỗ trợ 01 phần kinh phí để các trang trại, hội quán, các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh áp dụng, triển khai thực hiện

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Giải pháp 1: Không bị ảnh hưởng

- Giải pháp 2: Sẽ khuyến khích được các trang trại, hội quán, các hợp tác xã nông nghiệp xây dựng được mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp phù hợp với đơn vị và xu thế phát triển của thị trường hiện nay.

e) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Lựa chọn giải pháp 2

5. Chính sách 5. Hỗ trợ bao bì, nhãn mác sản phẩm

Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí một chu kỳ sản xuất gồm: thiết kế, mua tem truy xuất nguồn gốc, bao bì, nhãn mác cho sản xuất nông nghiệp sạch.

a) Xác định vấn đề bất cập

Nhu cầu thị trường nông sản trong nước cũng như thế giới hiện nay, nhất là tình hình dịch, bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp thì người tiêu dùng ngày càng đòi hỏi nông sản của chúng ta bán ra phải có bao, bì nhãn mác, tiêu chuẩn, chất lượng an toàn... nhưng các sản phẩm nông sản của tỉnh thì chủ yếu không có tiêu chuẩn, chất lượng, bao bì, nhãn mác, thương hiệu, nông dân vẫn yếu bán sản phẩm thô, chưa qua sơ chế, chế biến và thông qua các thương lái.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hỗ trợ 100 trang trại, hội quán, hợp tác xã nông nghiệp truy xuất nguồn gốc, bao bì, nhãn mác sản phẩm.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1. Đề các trang trại, hội quán, các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh căn cứ nhu cầu thị trường tự xây dựng.

- Giải pháp 2. Nhà nước đồng hành và hỗ trợ 01 phần kinh phí để các trang trại, hội quán, các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh áp dụng, triển khai thực hiện.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Giải pháp 1: Không bị ảnh hưởng

- Giải pháp 2: Sẽ tạo luồng gió mới, khuyến khích, giúp các trang trại, hội quán, các hợp tác xã nông nghiệp xây dựng thương hiệu, bao bì nhãn mác, phát triển thị trường, nhất là thị trường thông qua các kênh thương mại điện tử, siêu thị và giúp người tiêu dùng yên tâm với hàng mình đã mua.

e) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Lựa chọn giải pháp 2

6. Chính sách 6. Hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư thiết yếu và hỗ trợ tham gia xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, đưa sản phẩm lên các sàn giao dịch điện tử cho sản xuất nông nghiệp sạch.

Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí mua giống, thiết bị, vật tư thiết yếu (một lần) đối với địa bàn cấp xã, thôn, ấp khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và 50% đối với địa bàn các xã còn lại.

Nhà nước hỗ trợ tối đa 50% chi phí hỗ trợ tham gia xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, đưa sản phẩm lên các sàn giao dịch điện tử.

a) Xác định vấn đề bất cập

- Thời gian vừa qua sản xuất nông nghiệp đã có những phát triển bền vững, góp phần rất lớn vào phát triển kinh tế nông thôn, góp phần xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, tuy nhiên nông dân vẫn đang chạy theo số lượng, lạm dụng việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, hàng hóa cung cấp ra thị trường còn dư rất nhiều chất cấm, gây hại cho người tiêu dùng, gây mức sức cho xã hội.

- Việc sử dụng giống, thiết bị, vật tư thiết yếu hiện nay không đồng nhất, đồng bộ, tự phát, mỗi nơi một kiểu nên hàng hóa nông sản khi bán tại chợ truyền thống thì được nhưng cung cấp cho các siêu thị, kênh thương mại điện tử thì không được vì chất lượng không bảo đảm, lượng hàng ít, số lượng không đủ... Do đó, việc thống nhất xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, tập trung hỗ trợ cho các đối tượng chủ trang trại, hội quán, hợp tác xã là cần thiết nhằm tập trung nguồn lực, tạo sức lan tỏa và khuyến khích nông dân tham gia các hội quán, hợp tác xã.

- Trong thời gian dẫn cách xã hội do diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 vừa qua các nông sản của nông dân sản xuất nhỏ, lẻ manh mún thì bị ứ đọng, không tiêu thụ được nhưng các nông sản có thương hiệu, bao bì, nhãn mác, tiêu chuẩn chất lượng đều được người tiêu dùng đón nhận, hàng hóa không đủ cung cấp cho thị trường, nhất là các kênh thương mại điện tử, online, các sàn giao dịch điện tử.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Hỗ trợ cho 100 trang trại, hội quán, hợp tác xã nông nghiệp giống, thiết bị, vật tư thiết yếu và hỗ trợ đưa nông sản tham gia xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, đưa sản phẩm lên các sàn giao dịch điện tử.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Đề các Sở, ngành, địa phương tự xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp, mạnh mẽ, thiếu quy hoạch như trong giai đoạn vừa qua.

- Giải pháp 2. Tập trung các nguồn lực của nhà nước, xã hội xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, có thương hiệu, nhãn hiệu, bao bì nhãn mác.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Giải pháp 1: Không bị ảnh hưởng tăng chi phí ngân sách

- Giải pháp 2: Sẽ xây dựng được các mô hình sản xuất nông sản sạch, an toàn đáp ứng người tiêu dùng thông qua các kênh truyền thống, các kênh thương mại điện tử, các sàn giao dịch trong và ngoài nước, tiến đến cung cấp số lượng, chất lượng ổn định và tạo, lấy lòng tin người tiêu dùng về nông sản của tỉnh.

e) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Lựa chọn giải pháp 2

III. Dự kiến nguồn lực và các sản phẩm dự kiến thực hiện chính sách

1. Các căn cứ

- Chương trình hành động số 17-CTR/TU ngày 30/9/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nhiệm kỳ 2021-2026 và Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020-2025).

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2021.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2021

- Các chương trình, dự án khác của tỉnh, trung ương.

- Vốn đối ứng của các trang trại, hội quán, hợp tác xã, các doanh nghiệp tham gia (nếu có)

2. Các sản phẩm ưu tiên thực hiện chính sách:

- Sản phẩm trồng trọt gồm: Điều, Hồ tiêu, cây ăn trái (bưởi, xoài, mít, sầu riêng, nhãn...cam, quýt), rau màu.

- Sản phẩm chăn nuôi gồm: Heo, gà, bò và dê.

3. Dự kiến kinh phí và nguồn lực thực hiện:

a) Dự kiến nguồn kinh phí: 31.355.000.000 đồng, trong đó:

+ Ngân sách tỉnh hỗ trợ: 16.502.500.000 đồng

+ Các trang trại, hội quán, HTX đối ứng: 7.762.500.000 đồng

+ Nguồn vốn khác: 7.090.000.000 đồng.

b) Dự kiến các nguồn vốn thực hiện

- Bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo : 1.950.000.000 đồng.

- Xác định các vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất nông nghiệp sạch: 1.030.000.000 đồng.

- Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam, hoặc tương đương mà pháp luật Việt Nam ký, công nhận: 10.800.000.000 đồng.

- Tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp: 5.000.000.000 đồng

- Hỗ trợ bao bì, nhãn mác sản phẩm (tem truy xuất nguồn gốc, bao bì, nhãn mác sản phẩm): 2.575.000.000 đồng.

- Hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư thiết yếu và hỗ trợ tham gia xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, đưa sản phẩm lên các sàn giao dịch điện tử cho sản xuất nông nghiệp sạch: 10.000.000.000 đồng.

- Ngân sách của tỉnh cân đối bổ sung theo Nghị quyết gồm:

- Bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo cho các trang trại, hội quán, hợp tác xã : 975.000.000 đồng.

- Xác định các vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất nông nghiệp sạch: 1.030.000.000 đồng.

- Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam, hoặc tương đương mà pháp luật Việt Nam ký, công nhận: 7.710.000.000 đồng

- Tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp: 2.500.000.000 đồng

- Hỗ trợ bao bì, nhãn mác sản phẩm (tem truy xuất nguồn gốc, bao bì, nhãn mác sản phẩm): 1.287.500.000 đồng.

- Hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư thiết yếu và hỗ trợ tham gia xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, đưa sản phẩm lên các sàn giao dịch điện tử cho sản xuất nông nghiệp sạch: 3.000.000.000 đồng

IV. Lấy ý kiến

Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì đã gửi văn bản tới các Sở, ban, ngành liên quan để xin ý kiến góp ý và tổng hợp việc tiếp thu, giải trình sau khi nhận được các ý kiến góp ý và xây dựng Báo cáo đánh giá tác động của chính sách.

V. Giám sát và đánh giá

- Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị Quyết này.

- Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh; Sở Nông nghiệp và PTNT chịu trách nhiệm giám sát và đánh giá việc thực hiện các chính sách tại Nghị quyết.

Trường hợp quá trình thực thi các chính sách quy định tại Nghị quyết này phát sinh vướng mắc, các bên liên quan có trách nhiệm báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT để Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, báo cáo và đề xuất UBND tỉnh hướng xử lý.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- GD Sở; các PGD Sở;
- Lưu: VT, BP.PTNT (Phuong)

GIÁM ĐỐC

